

BIỂU SỐ 06: KINH PHÍ CHUYỂN NGUỒN NĂM 2024 SANG NĂM 2025 (03 XÃ CŨ TRƯỚC SẮP XẾP)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của HĐND xã Nghĩa Giang)

ĐVT:

STT	Nội dung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm trước sang	Kinh phí đã sử dụng	KP còn lại tiếp tục thực hiện cho xã Nghĩa Giang (mới)
A	Xã Nghĩa Thuận (cũ)	1.198.732.624	432.889.200	765.843.424
I	Kinh phí chi đầu tư	190.730.000	190.730.000	0
1	Hỗ trợ nhân công đường BTXM GTNT 20 tuyến xã Nghĩa Thuận năm 2024(theo cơ chế hỗ trợ xi măng)	78.391.000	78.391.000	0
2	Trả nợ tuyến đường Ngõ Thao - Thanh An Tây	112.339.000	112.339.000	0
II	Chi thường xuyên	185.418.000	185.418.000	0
1	Hoạt động UBND xã	45.000.000	45.000.000	0
2	KP huấn luyện dân quân, thăm quân tại các đơn vị năm 2025	61.500.000	61.500.000	0
3	Kinh phí đại hội chi bộ	59.904.000	59.904.000	0
4	Kinh phí nông thôn mới kiểu mẫu thôn Mỹ Thạnh Nam	19.014.000	19.014.000	0
III	Nộp trả NS cấp trên	56.741.200	56.741.200	0
IV	Cải cách TL năm 2025	765.843.424		765.843.424
B	Xã Nghĩa Kỳ (cũ)	5.755.495.350	1.154.685.754	4.600.809.596
I	Chi trả nợ công trình	200.000.000	191.860.000	8.140.000
1	Công trình: Đường tỉnh lộ 623B đi Bàu Lãng	200.000.000	191.860.000	8.140.000
II	Chi thường xuyên	1.511.192.505	753.479.000	757.713.505
4	Chi nạo vét mương suối nóng	195.466.000	195.466.000	0
5	Chi nạo vét mương Rộc Tấn- Bàu sậy	193.913.000	193.913.000	0
6	Kiên cố hoá Kênh VC18A	300.000.000	0	300.000.000
7	Kiên cố hoá Kênh VC4-6-2.1	270.000.000	0	270.000.000
8	Hoạt động ANQP	150.000.000	150.000.000	0
9	Chi hỗ trợ công tác thu 2024	13.900.000	13.900.000	0
10	Chi công tác bầu cử trường thôn	15.300.000	15.300.000	0
11	Chi hỗ trợ trẻ em khuyết tật	7.900.000	7.900.000	0
12	Chi thuê xe đỡ dọn các điểm trường MN	15.800.000	15.800.000	0
13	Chi thuê xe đào, chở khoán sản xử lý cát trái phép	18.900.000	18.900.000	0
14	Chi sửa chữa thiết bị vi tính	17.000.000	17.000.000	0
15	Chi hỗ trợ Đoàn TN tham dự hội trại 26/3	23.300.000	23.300.000	0
16	Chi hỗ trợ công tác	65.000.000	65.000.000	0
17	Chi công tác thú y	37.000.000	37.000.000	0
18	Thực hiện các nhiệm vụ phát sinh chưa được dự toán	187.713.505	0	187.713.505
III	Nguồn cải cách tiền lương (70% từ nguồn vượt thu năm 2024)	2.298.699.091	0	2.298.699.091
IV	KP khác theo quy định:	1.745.603.754	209.346.754	1.536.257.000
1	Hoàn trả nhà văn hoá thôn AHB2, xã Nghĩa Kỳ	1.658.976.000	122.719.000	1.536.257.000
2	Nguồn KP tổ ANTT cơ sở năm 2024	19.915.900	19.915.900	0

STT	Nội dung	Kinh phí chuyển nguồn từ năm trước sang	Kinh phí đã sử dụng	KP còn lại tiếp tục thực hiện cho xã Nghĩa Giang (mới)
3	KP sửa chữa tình lộ 623B đi ngõ nhà ông Bưởi	14.639.000	14.639.000	0
4	Xây dựng từ công chào ANH1 đi đường dẫn cao tốc	10.622.000	10.622.000	0
5	KP tham gia hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn bàn giao mặt bằng DA cao tốc	10.000.000	10.000.000	0
6	KP tiền thưởng 2024 theo ND73/2024/CP	106.854	106.854	0
7	Nguồn tiết kiệm chi 5%	31.344.000	31.344.000	0
C	Xã Nghĩa Điền (cũ)	976.523.959	316.127.880	660.396.079
I	Kinh phí cải cách tiền lương	210.364.000	0	210.364.000
	Kinh phí cải cách tiền lương các năm chuyển sang	210.364.000	0	210.364.000
II	Kinh phí chi đầu tư	580.000.000	209.031.000	370.969.000
1	KCH kênh N8-2(GĐ 1) (trả nợ)	160.000.000	0	160.000.000
2	KCH kênh N8 – cầu 31 (trả nợ)	60.000.000	0	60.000.000
3	Xây dựng diêm nhân thôn Điền Hòa	110.000.000	0	110.000.000
4	Nạo vét, nâng cấp mương thoát nước cục bộ thuộc KDC đội 6 thôn Điền Chánh	100.000.000	74.419.000	25.581.000
5	Sửa chữa tuyến kênh N6-3 từ km 00+20 - km 00+350	100.000.000	92.612.000	7.388.000
6	Nạo vét thông dòng chảy suối sậy	50.000.000	42.000.000	8.000.000
III	Kinh phí chi thường xuyên	119.063.079	40.000.000	79.063.079
1	Đại hội thể dục thể thao xã, huyện	40.000.000	40.000.000	0
2	Lễ kỷ niệm 80 năm ngày TLLL công an ND	5.000.000		5.000.000
3	Hỗ trợ công tác hiến máu	10.000.000		10.000.000
4	Chi nộp trả theo kết luận thanh tra Chính phủ	64.063.079		64.063.079
V	Kinh phí nộp trả	67.096.880	67.096.880	0
1	Kinh phí tiết kiệm giữ lại xóa nhà tạm	8.994.000	8.994.000	0
2	Kinh phí nộp trả ngân sách cho thuê đất công ích theo KL369/KL-TTCP ngày 01/10/2024 của tổng thanh tra Chính phủ.	26.800.000	26.800.000	0
3	Kinh phí chi trả tiền lương tăng thêm theo NĐ 73/2024/NĐ-CP theo QĐ số 5265/QĐ -UBND ngày 14/10/2024 của UBND huyện Tư Nghĩa	2.361.480	2.361.480	0
4	Kinh phí chi trả tiền lương tăng thêm theo NĐ 73/2024/NĐ-CP để thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ KCT xã, thôn theo NQ30theo QĐ số 5522/QĐ -UBND ngày 24/10/2024 của UBND huyện Tư Nghĩa	5.512.400	5.512.400	0
5	Kinh phí sử dụng chi trả cho tổ an ninh trật tự (theo NQ 12/2024/NQ - HĐND) theo QĐ số 5980/QĐ -UBND ngày 21/11/2024 của UBND huyện Tư Nghĩa	23.429.000	23.429.000	0
	TỔNG CỘNG	7.930.751.933	1.903.702.834	6.027.049.099

[illegible]